

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ THÀNH PHẦN DÂN TỘC CỦA CỘNG ĐỒNG QUÍ CHÂU

TRẦN BÌNH

1. Về địa bàn khảo sát và đối tượng nghiên cứu

• Thu thập dữ liệu cho báo cáo này, ngoài việc tiếp cận các nguồn dữ liệu đã được công bố trong các loại sách báo, chúng tôi đã tiến hành điền dã dân tộc học tại Bản Chang xã Thượng Hà (Bảo Lạc, Cao Bằng). Đó là bản vùng cao, nằm cách cột mốc 128 và 129 thuộc đường biên giới Việt – Trung, chừng 3 km (đường chim bay), cách trung tâm xã Thượng Hà 18 km về phía tây-bắc, cách thị trấn Bảo Lạc 25 km về phía tây-bắc, và cách thị xã Cao Bằng 180 km cũng về phía tây-bắc. Từ trung tâm thị trấn Bảo Lạc, muốn đến Bản Chang phải vượt qua con đường đất dân sinh dốc ngược, vắt qua các sườn núi, dài 25 km.

Bản Chang hiện có 46 gia đình, 250 nhân khẩu, 100% là người Quý Châu. Hoạt động mưu sinh chủ yếu của dân bản dựa vào số diện tích ruộng nước tương đương 250 kg thóc giống (gieo khoảng 20 kg giống, sẽ có đủ số mạ cấy được 360 m² ruộng), diện tích lúa nương tương đương 120 kg giống (khoảng 50 kg giống gieo được 1.000 m² nương), diện tích ngô tương đương 500 kg giống (khoảng 7 kg giống gieo được 360 m² nương). Ngoài trồng trọt, Bản Chang còn có đàn gia súc: 26 con trâu, 200 con bò, 300 con lợn và 1.000 con gia cầm...

Trình độ dân trí ở Bản Chang tương đối thấp. Cả bản hiện chỉ có ông Hồ Pang Khín (56 tuổi) là người duy nhất biết đọc, biết viết và sử dụng được sách chữ Nôm, và chưa có ai tốt nghiệp Trung học Phổ thông. Số học sinh trong bản đang theo học phổ thông là 16 cháu. Trong đó: lớp 11: 1, lớp 10: 1, lớp 9: 2, lớp 8: 3, lớp 7: 1, lớp 5: 3, lớp 1 đến lớp 4: 5...

• Quý Châu là cộng đồng có dân số rất ít, cư trú tại một số xã giáp biên giới Việt-Trung, thuộc các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng... Họ là một trong số các cộng đồng nói tiếng *Pạc Và*. Tuy nhiên, thực tế họ sử dụng tiếng Tày, Nùng và Dao... để giao tiếp với các cộng đồng khác trong vùng. Họ có nhiều đặc điểm văn hoá tương đồng với các nhóm Thù Lao, Tu Dí, Pa Dí, Bó Y, Giáy... đang sinh sống ở vùng biên giới Việt – Trung.

Quý Châu là cư dân sinh sống bằng trồng trọt. Trong đó làm ruộng nước là hoạt động mưu sinh chính của họ. So với các cư dân khác trong vùng, họ có kỹ thuật canh tác lúa nước tương đối khá hơn. Họ dùng trâu, bò làm sức kéo, dùng phân gia súc bón cho lúa và các loại cây trồng khác, và có nhiều kinh nghiệm trong việc dẫn thủy nhập điền. Ngoài trồng trọt họ còn chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, hái lượm, săn bắt, đan lát, dệt may và làm mộc. Việc buôn bán và trao đổi giao lưu kinh tế với các cộng đồng bên kia biên giới của họ tương đối phát triển. So với các cộng đồng khác, họ luôn là bộ phận đi đầu trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế ở vùng giáp biên.

Cộng đồng Quý Châu cư trú theo hình thức mật tập thành từng bản. Mỗi bản khoảng vài ba chục nóc nhà. Họ sinh sống trong các ngôi nhà đất, tường trình, làm bằng tre, gỗ, nứa, lợp bằng cỏ tranh và là cọ. Nay đã có nhiều gia đình ở trong những ngôi nhà sàn như của người Nùng. Trang phục của họ đơn giản và tương tự như trang phục của người Nùng ở trong vùng.

Theo điều tra của chúng tôi tại Bản Chang (Thượng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng) vào tháng 8/2005, người Quý Châu có các dòng họ: Hoàng, Lý, Hồ, Chấn, Phán, Chu, Châu, Đặng... Đó đều là các họ có tên gọi gốc theo tiếng Trung Quốc: *Wuáng, Lí, Chén, Hù, Zhu, Fàn, Dèng...*

2. Về thành phần dân tộc của cộng đồng Quý Châu

Trong công bố kết quả Điều tra dân số 1.3.1960, của Tổng cục Thống kê, nhóm Quý Châu được xếp thành dân tộc riêng: *dân tộc Quý Châu*⁽¹⁾. Vào thời điểm đó dân số của dân tộc này là 1.116 người, trong đó có 523 nam và 593 nữ. Từ 1974 lại đây, trong các kỳ điều tra dân số, cộng đồng Quý Châu không được xếp thành một dân tộc riêng, mà chỉ được coi là một bộ phận, hay một ngành, một nhóm địa phương thuộc dân tộc Giáy, còn ở Cao Bằng thuộc dân tộc Nùng.

Năm 1978, trong *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, Ngô Vĩnh Bình cho rằng: *Ngoài tên tự gọi là Pu Nà, người Pu Nà còn được gọi bằng tên khác: người Cùi Chu. Cùi Chu theo tiếng Quan Hỏa có nghĩa là Quý Châu, một tỉnh ở miền Nam Trung Quốc*⁽²⁾.

Cũng trong *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, Chu Thái Sơn khi viết về dân tộc Bố Y đã xác nhận rằng, nhóm Quý Châu là một bộ phận của dân tộc Bố Y. Theo tác nhà nghiên cứu này, cộng đồng Bố Y gồm 4 ngành:

1. *Ngành Pâu Y, sinh sống ở Hà Tuyên (cũ), các cư dân láng giềng gọi họ là Chùng Chá hay Trung Giá*^(*).

2. *Ngành Tu Dí, cư trú ở Hoàng Liên Sơn (cũ).*

⁽¹⁾ Dân số Miền Bắc Việt Nam (Số liệu Điều tra dân số ngày 1/3/1960), Tổng cục Thống kê, Hà Nội, 1962, tr. 35.

⁽²⁾ Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía bắc)*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1978, tr. 257.

^(*) Về người *Chùng Chá*, trong khi bàn về Tên gọi các dân tộc ở Miền Bắc Việt Nam, Đặng Nghiêm Vạn cho rằng: Có thể tên gọi này liên quan đến người *Cháng*, một cộng đồng cư trú ở Ngán Sơn, Liễu Châu, Thượng Lâm thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Sau thất bại của Nùng Trí Cao, tên *Chùng (Choang)* được dùng để chỉ toàn bộ khối cộng đồng nay được gọi là Cháng ở tỉnh Quảng Tây (*Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1975, tr. 121)

3. *Ngành Pu Nà, còn gọi là Quý Châu (Cùi Chu), thuộc ngành Pâu Nà, cư trú ở Cao Lạng (cũ) và Lai Châu.*

4. *Ngành Pâu Thìn (tức là dân tộc Giáy), cư trú tại nhiều nơi thuộc Hoàng Liên Sơn, Hà Tuyên và Cao Lạng (cũ)*⁽³⁾.

Đặng Nghiêm Vạn trong một nghiên cứu *Về tên gọi các dân tộc ở Miền Bắc nước ta*, cũng cho rằng tên tự gọi của người Quý Châu là Pu Nà (Viện Dân tộc học. *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1975, tr. 121).

Trong *Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam*, công bố ở Tạp chí Dân tộc học, số 1/1979, tr. 59-63, cộng đồng Quý Châu không có tên. Từ đó đến nay, cộng đồng này ở Cao Bằng vẫn được xếp là một trong số các nhóm địa phương của dân tộc Nùng.

Như vậy, từ chỗ được xếp thành một dân tộc riêng biệt trong số 26 dân tộc ở Miền Bắc Việt Nam (1960), năm 1974 trở lại đây cộng đồng Quý Châu chỉ được xếp là một nhóm địa phương, hoặc một ngành của dân tộc Nùng. Có ý kiến cho rằng Quý Châu là bộ phận của dân tộc Bố Y (Chu Thái Sơn), những ý kiến khác lại xác định họ chính là dân tộc Pu Nà (Ngô Vĩnh Bình, Đặng Nghiêm Vạn...). Cũng có trường hợp họ được xác nhận là một bộ phận của dân tộc Giáy. Hiện nay ở Cao Bằng cộng đồng người Quý Châu đang được xác định là một nhóm địa phương thuộc dân tộc Nùng. Như vậy rõ ràng vấn đề thành phần dân tộc của cộng đồng Quý Châu đã đặt ra nhiều vấn đề, nay cần phải xem xét lại. Đó là nhu cầu thực tiễn và cũng là nguyện vọng của cán bộ nhân dân ở các địa phương. Để xem xét vấn đề này, cần căn cứ theo các dữ liệu thuộc các lĩnh vực sau đây.

Nguồn gốc và lịch sử cư trú

Theo nhiều nhà nghiên cứu, các tộc người nói ngôn ngữ Tày – Thái (Choang - Đông) hiện nay có số dân khoảng trên dưới 100 triệu người, phân

⁽³⁾ Viện Dân tộc học (1978). Sách đã dẫn, tr. 263.

bố trong địa bàn khá rộng, thuộc khu vực Đông – Nam lục địa châu Á, gồm Nam Trung Quốc, Bắc Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar và Đông Ấn Độ. Khối cư dân này gồm hai ngành. Ngành phía Tây gồm: các dân tộc Thái, Lào, Lự, Nhuôn (ở Lào); dân tộc Thái và Lào (ở Thái Lan); các nhóm San, Karen (ở Myanmar); nhóm Ahom (ở Ấn Độ); nhóm Thái (ở Vân Nam, Trung Quốc) và các dân tộc Thái, Lào, Lự (ở Việt Nam). Ngành phía Đông gồm: các dân tộc Choang, Đông, Bố Y, Thủy, Mỗ Lao, Mao Nam ở Nam Trung Quốc; các dân tộc Tày, Nùng, Giáy, Bô Y... ở Việt Nam¹.

Nếu cộng đồng Quý Châu là một nhóm địa phương, hoặc một ngành của dân tộc Nùng, hay Bô Y... đúng như quan điểm của một số nhà nghiên cứu, thì họ thuộc Ngành phía Đông của khối cư dân-nói ngôn ngữ Choang-Đông (Tây – Thái). Và như vậy tổ tiên xa xưa của họ có nguồn gốc ở khu vực bao gồm: phần phía đông vùng Hoa Nam (Trung Quốc) và khu vực miền núi phía bắc Việt Nam. Cụ thể hơn, họ có thể là di duệ của các cộng đồng Nùng, Bô Y... có nguồn gốc ở vùng lãnh thổ phía đông của khu vực Hoa Nam (Trung Quốc).

Điều tra tại Bản Chang (Thượng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng), người Quý Châu ở đây đều nhất trí rằng, họ có nguồn gốc từ bên Trung Quốc. Theo những người già, tổ tiên của họ xưa là người Quý Châu. Họ di cư sang Việt Nam bằng đường bộ trên núi. Nguyên nhân di cư sang Việt Nam, theo họ, do loạn lạc, chiến tranh, đất đai xấu làm không nên ăn, đói kém liên miên... nên tổ tiên họ di cư đi tìm nơi có cuộc sống tốt hơn. Điểm dừng cuối cùng của họ là đất Việt Nam. Hiện nay cộng đồng này vẫn còn bà con, thân nhân sinh sống bên đất Trung Quốc. Phần lớn trong số bà con của họ, đều là những người đã từng có một thời gian sinh sống ở Việt Nam, sau đó lại quay trở lại sinh sống bên đất Trung Quốc.

Về địa danh *Quý Châu*, đa số các nhà nghiên cứu đều cho rằng đó là tỉnh Quý Châu, một tỉnh nằm ở khu vực lãnh thổ phía tây- nam của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Ngô Vinh Bình cho rằng *Cù Chu theo tiếng Quan Hóa có nghĩa là Quý Châu, một tỉnh ở miền Nam Trung Quốc*². Chu Thái Sơn cũng có quan điểm tương tự: *Vào khoảng giữa thế kỷ thứ XIX, vì những lý do sinh kế, một nhóm Bô Y ở miền cực nam Quý Châu di chuyển xuống miền nam rồi tụ cư tại miền Bắc nước ta*³...

Có thể các tác giả trên không sai, nhưng theo chúng tôi cũng cần lưu ý để tránh nhầm lẫn địa danh *Quý Châu* có liên quan đến cộng đồng Quý Châu, với tỉnh Quý Châu thuộc Cộng Hoà Nhân dân Trung Hoa ngày nay. Trong *Việt Nam sử lược* có đoạn ghi: *Năm Mậu Ti (1048) Nùng Trí Cao làm phản, xưng là Nhân Huệ Hoàng đế quốc hiệu là Đại Nam. Sau bị Lý Thái Tông sai Quách Thịnh Dật mang quân lên đánh. Nùng Trí Cao xin phụ thuộc và sự che chở của Nhà Tống, không được nên mang quân đánh chiếm Ung Châu và 8 châu ở Quảng Tây và Quảng Đông. Đó là các châu Hoàn, châu Quý, châu Cung, châu Đằng, châu Ngô, châu Khang và châu Đoan*⁴...

Như vậy, *Quý Châu* có thể là một châu thuộc Quảng Tây, Trung Quốc. Chưa hẳn địa danh *Quý Châu* mà chúng ta nhắc đến khi nghiên cứu về các nhóm cộng đồng có nguồn gốc Trung Quốc, đã phải là tỉnh Quý Châu ngày nay. Một số tài liệu (*Sơ thảo lịch sử Cao Bằng*, do Ty Văn hoá Thông tin Cao Bằng ấn hành vào năm 1963,...) khi ghi chép về người Ngạn ở Cao Bằng cũng đề cập đến nguồn gốc Quý Châu của nhóm tộc người này. Theo người Ngạn ở *Nậm Loát* (Nguyễn Huệ, Hoà An, Cao Bằng): *từ quê hương cổ của họ ở Trung Quốc đến nơi họ đang cư trú*

² Viện Dân tộc học (1978). Sách đã dẫn, tr. 257.

³ Viện Dân tộc học (1978). Sách đã dẫn, tr. 263.

⁴ Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Tp. HCM, 2005, tr. 91.

¹ Nguyễn Chí Huyền (và các tác giả). *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2000, tr. 64-65.

hiện nay (Nguyễn Huệ, Hoà An, Cao Bằng) cách nhau chừng 70km. Tổ tiên họ kể rằng, họ phải đi bộ xuyên rừng, xuyên núi khoảng 20 ngày đêm mới đến nơi ở ngay nay... Trong trường hợp cộng đồng Ngạn, chắc chắn họ không phải là có nguồn gốc từ tỉnh Quý Châu mà họ có nguồn gốc Quảng Tây (Trung Quốc).

Như vậy, địa danh Quý Châu có liên quan đến cộng đồng người Quý Châu cũng rất cần được xem xét lại một cách thật khoa học. Rất có thể họ được gọi, hoặc tự nhận tộc danh của mình bằng tên địa phương, mà xưa kia tổ tiên họ đã sinh sống. Xác định đúng địa danh Quý Châu là tỉnh Quý Châu ngày nay, hay đó là tên một châu (Châu Quý) thuộc tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), sẽ góp phần quan trọng vào việc xác định thành phần tộc người của cộng đồng Quý Châu hiện nay. Về vấn đề này, qua thực tiễn nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng, xưa kia nếu các cộng đồng lấy địa danh nơi sinh sống làm tộc danh, hoặc để gọi cộng đồng khác, thường họ gọi theo địa danh của đơn vị châu, mừng, bản... ít thấy có cộng đồng nào lấy tên tỉnh, khu... làm tộc danh của mình, hoặc để gọi cộng đồng khác. Vì thế, rất có thể tộc danh Quý Châu cơ sở từ địa danh của Châu Quý ở Quảng Tây (Trung Quốc),

không phải tỉnh Quý Châu, như nhiều người đã hiểu.

Theo những người Quý Châu đang sống ở Bản Chang, hiện nay khi bà con ở bên Trung Quốc có cưới xin, ma chay, người Quý Châu đều đi lại thăm thân. Ngược lại, khi có việc quan trọng họ cũng đều mời bà con ở bên Trung Quốc sang tham dự. Khi đi thăm nhau, họ thường mang theo gà, rượu, bánh kẹo... để làm quà.

Như vậy, cộng đồng Quý Châu là cư dân có nguồn gốc tại vùng phía đông- nam thuộc khu vực Hoa Nam, Trung Quốc. Điều đó không còn gì để bàn cãi. Tuy vậy, tổ tiên xa xưa của họ có nguồn gốc Quý Châu, hay Quảng Tây lại là vấn đề cần được tiếp tục xem xét. Chúng tôi cho rằng nhiều khả năng tổ tiên xa xưa của họ là những người có nguồn gốc thuộc cư dân Ngành Phía Đông của cộng đồng các tộc người nói ngôn ngữ Choang - Đông (Tày-Thái) ở Hoa Nam.

Về ngôn ngữ

Để tiện việc xem xét thành phần tộc người, trước tiên chúng ta hãy so sánh tiếng Quý Châu với tiếng Hoa. Theo điều tra của chúng tôi ở Bản Chang (Thượng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng) vào tháng 8/2005, tình hình như sau:

TT	Tiếng Việt	Tiếng Quý Châu	Tiếng Trung Quốc
CÁC BỘ PHẦN CƠ THỂ NGƯỜI			
1	Đầu	<i>Thầu (tòu)</i>	Tóu
2	Mắt	<i>Zen chín (yăn jìn)</i>	Yăn jing
3	Mũi	<i>Pi liang (bi liang)</i>	Bí zi
4	Mồm	<i>Chu pá (zu bá)</i>	Zùi
5	Tóc	<i>Fa</i>	Fà
6	Răng	<i>Zà chư (yá zi)</i>	yá zi
7	Vú	<i>Nái (nái)</i>	nái
8	Tai	<i>Nỏ tó</i>	ěr
9	Cổ	<i>Chăng cấn</i>	
10	Vai	<i>Kín păng</i>	
11	Tay	<i>Sáu (shòu)</i>	Shòu)

12	Lung	<i>Pày hầu (pay hòu)</i>	Hòu
13	Bụng	<i>Tú</i>	
14	Chân	<i>Chò (zò)</i>	Zú
15	Tim	<i>Xấn (xén)</i>	Xin
16	Gan	<i>Cán (gán)</i>	Gàn
ĐỘNG TÁC CỦA CON NGƯỜI			
17	Ăn	<i>Chừ (chì)</i>	Chì
18	Uống	<i>Hó (hó)</i>	Hé
19	Ngủ	<i>Suôi (shui)</i>	Shui
20	Nói	<i>Cheng (jiang)</i>	Jiāng
21	Hát	<i>Sóng có (Chóng gó)</i>	Chàng gè
22	Chửi	<i>Má (má)</i>	Má
23	Khóc	<i>Khu (kù)</i>	Kù
24	Cười	<i>Xiêu (xiao)</i>	Xiào

25	Đi	<i>Khé</i>	Zòu
26	Chạy	<i>Fao (pào)</i>	Pǎo
27	Trèo	<i>Sǎng</i>	Pá
28	Nằm	<i>Suói (shui)</i>	Tàng

THÂN TỘC, THÍCH TỘC

29	Bố	<i>Pa</i>	Pà
30	Mẹ	<i>Che (jiè)</i>	Ma ma
31	Anh	<i>Có (gó)</i>	Gè gè
32	Chị	<i>Che (jie)</i>	Jie jie
33	Em trai	<i>Tỷ (dì)</i>	Dè Dè
34	Em gái	<i>Mấy (mẽi)</i>	Mèi mèi
35	Bác	<i>Pờ</i>	
36	Ông	<i>Cúng</i>	Yé
37	Bà	<i>Phò</i>	Nai
38	Cô, dì	<i>Nhǎng</i>	
39	Cháu	<i>Sám</i>	
40	Con trai	<i>Trai</i>	
41	Con gái	<i>Mấy trai</i>	
42	Anh rể	<i>Che fú (jie fú)</i>	
43	Em rể	<i>Mấy fú (mẽi fú)</i>	
44	Chị dâu	<i>Xao</i>	

TỰ NHIÊN, SỰ VẬT

45	Trời	<i>Thián (tián)</i>	Tian
46	Đất	<i>Tỷ (tỷ)</i>	Tù
47	Nước	<i>Suây (shui)</i>	Shūi
48	Mưa	<i>Y (yu)</i>	Yū
49	Nắng	<i>Thai àng xǎi (tai yang)</i>	Tài yáng chǎi
50	Gió	<i>Phúng (fóng)</i>	Fèng
51	Cây	<i>Mu (mu)</i>	Mù
52	Cỏ	<i>Xao (chao)</i>	Chǎo
53	Đá	<i>Ngài thẩu (tòu)</i>	shí tóu
54	Ruộng	<i>Thian (tian)</i>	Tián
55	Vườn	<i>Zien</i>	Yuán
56	Núi	<i>Pò</i>	Shan
57	Rau	<i>Xǎi (chǎi)</i>	Chai
58	Lúa	<i>Cù</i>	Měi
59	Ngô	<i>Páo cù</i>	Měi yu

60	Sán	<i>Xào</i>	
61	Khoai lang	<i>Hùng xào</i>	
62	Bí (đỏ, xanh)	<i>Qua (guà)</i>	Dong guà
63	Đu đủ	<i>Mùn qua (mù guà)</i>	Mù guà
64	Tre, trúc	<i>Chù (zhù)</i>	Zhú

ĐỒ VẬT

65	Nhà	<i>Ừ (wu)</i>	Wu
66	Cửa	<i>Mán (men)</i>	Mén
67	Gian nhà	<i>Thằng ú (wú)</i>	Fáng jian
68	Bếp	<i>Ho (ho)</i>	Hùo
69	Bàn thờ	<i>Chư chúng (Zu Zhóng)</i>	Zù zhòng
70	Giường	<i>Sàng fú (chàng fú)</i>	Cháng
71	Bát	<i>Van (wuan)</i>	Wuǎn
72	Đũa	<i>Phải thẩu</i>	Kuài zi
73	Chén	<i>Pây (bèi)</i>	Bèi
74	Ấm pha trà	<i>Suây quǎn (shuì guǎn)</i>	Shuì guǎn
75	Mũ	<i>Mào</i>	Mao
76	Áo	<i>Y</i>	Yi
77	Quần	<i>Khủ (kū)</i>	
78	Váy	<i>Xùn</i>	Xín
79	Ghế	<i>Pan tẩu</i>	Zhòu zi
80	Màn	<i>Màn nèn</i>	

MÙI VỊ CƠ BẢN

81	Mặn	<i>Hàn</i>	Xián
82	Đắng	<i>Khủ (kū)</i>	kū
83	Cay	<i>Là</i>	La
84	Chua	<i>Soán (suán)</i>	Suàn
85	Ngọt	<i>Thián (tián)</i>	Tián

SỐ ĐẾM

86	Một	<i>Zì</i>	Y
86	Hai	<i>Lở (er)</i>	Er
88	Ba	<i>Sán</i>	Sàn
89	Bốn	<i>Xứ (xì)</i>	Xi
90	Năm	<i>U (wu)</i>	Wū
91	Sáu	<i>Lù (lù)</i>	Liu
92	Bảy	<i>Chì (qì)</i>	Qi

93	Tám	<i>Pà (pà)</i>	Pa
94	Chín	<i>Chiu (jiu)</i>	Jiū
95	Mười	<i>Xiū (shí)</i>	Shí
96	Một trăm	<i>Y pờ (y bờ)</i>	Y bǎi
97	Một nghìn	<i>Y xián (y xián)</i>	Y qian

Như vậy, khi so sánh một trăm từ vị cơ bản (chỉ các bộ phận thân thể người, động tác của con người, thân tộc, thích tộc, đồ vật, tự nhiên, mùi vị, và số đếm...) của tiếng Quý Châu với tiếng Hoa, chỉ có 6 từ có sự khác nhau: Mạn (*hàn/tián*); nằm (*shuì/tǎng*); đi (*khē/zǒu*); trèo (*sǎng/pá*); núi (*pò/shan*) và ghé (*pan tóu/zhuo zì*). Trong đó có thể thấy *po* (núi) là tiếng Nùng, còn lại tuy người Quý Châu dùng khác người Hán, nhưng *hàn, shuì, pan tóu...* (*mạn, nằm, ghé...*), cũng đều là từ thuộc tiếng Hoa. Như vậy, có thể thấy tiếng nói của cộng đồng Quý Châu tương tự như tiếng Pạc Và, một loại tiếng Hán địa phương ở Lương Quảng, tuy họ phát âm có thể nhẹ hơn, hoặc nặng hơn so với người Hán. Xưa cũng như nay, họ đều sử dụng ngôn ngữ này để giao tiếp trong nội tộc và giao tiếp với các cộng đồng sinh sống ở bên kia biên giới Việt-Trung. Như vậy về mặt ngôn ngữ, họ gắn gũi với các cư dân nói tiếng Pạc Và sinh sống ở khu vực Lương Quảng, Trung Quốc. Thực tế đó có thể khẳng định họ là một trong những cộng đồng gốc Trung Quốc (gốc Hoa) sinh sống ở Việt Nam.

Về văn hoá

Do sinh sống ở Việt Nam và xen cư với người Nùng, người Tày, người Dao (vùng Cao Bằng), trong thời gian hàng trăm năm, văn hóa của cộng đồng Quý Châu đã có rất nhiều thay đổi. Về vấn đề này cần lưu ý một vài điểm: phụ nữ Quý Châu ăn vận tương tự như phụ nữ Nùng Xương; sản xuất và các tập quán mưu sinh khác của họ giống như người Tày, người Nùng, người Dao... trong vùng. Xưa kia họ ở trong những ngôi nhà đất, trình tường, cách đây vài năm họ bắt đầu ở trong các ngôi nhà sàn tương tự như của người Nùng. Đây là những thay đổi tương đối lớn trong văn hoá ăn, mặc, ở của họ, có thể dễ dàng nhận thấy.

98	Một vạn	<i>Y wán (y wán)</i>	Y Wàn
99	Một triệu	<i>Y pờ wán (y bờ wán)</i>	Y bǎi wàn
100	Không	<i>Linh</i>	Líng

(Nguồn: Điều tra thực địa tại Bản Chang, Thượng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng, 8/2005)

Đáng lưu ý nhất có lẽ là ngôn ngữ của họ. Từ ngàn xưa cho đến nay, họ vẫn sử dụng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp trong nội tộc và giao tiếp với các cộng đồng ở bên kia biên giới. Tiếng nói của họ là tiếng Pạc Và, một thổ ngữ ở Quảng Đông, thuộc hệ ngôn ngữ Hán. Đây là thứ ngôn ngữ hoàn toàn khác với tiếng Tày, Nùng, Dao, Hmông, Lô Lô, Sán Chí... trong vùng. Để giao tiếp với các cộng đồng láng giềng ở Việt Nam, họ dùng tiếng Nùng, tiếng Tày, tiếng Dao.



Phụ nữ Quý Châu ở Bản Chang, Thượng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng

Ảnh: Trần Bình

Họ dùng chữ Hán làm tự để ghi lại tiếng nói của mình. Trong các bản thỉnh thoảng vẫn có người biết viết và biết đọc thứ chữ *chữ nôm Quý Châu (khê shú)* đó. Họ có nhiều loại sách chữ

Hán, chẳng hạn: Sách dạy đạo đức làm người (*cháo táo te, cháo táo thờ*); sách xem ngày giờ tốt xấu, chọn giờ khởi công, chọn giờ xuất hành, chọn giờ làm các nghi lễ cưới xin, ma chay... (*thống shù*); Sách cúng, sách mo... (*cháo táo cungz*)...

Ngoài việc kết hôn với những người trong nội tộc, hiện nay người Quý Châu còn kết hôn với người Nùng và những người thuộc các tộc khác. Hiện tượng ngoại hôn tộc người này đã trở thành một động lực khá quan trọng đẩy mạnh giao lưu và ảnh hưởng văn hoá giữa họ với cộng đồng người Nùng và các tộc người khác.

Tập quán mưu sinh của người Quý Châu không có gì khác biệt lắm so với các cộng đồng Nùng, Tày, Dao... trong vùng. Điều này có lẽ được qui định bởi những điều kiện môi sinh tự nhiên tương tự nhau; sự giao lưu trong các hoạt động kinh tế giữa các cộng đồng trong vùng ngày càng diễn ra mạnh mẽ; các chính sách phát triển kinh tế – xã hội của Chính phủ Việt Nam ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng đối với các dân tộc thiểu số vùng giáp biên ... Tuy nhiên họ là bộ phận có hoạt động giao lưu, trao đổi, kinh tế và buôn bán với các cư dân bên kia biên giới mạnh nhất trong khu vực.

Về ý thức tự giác tộc người

Theo các tài liệu vừa đề cập trên đây, ngay từ những đợt điều tra dân số đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (1960), cộng đồng chúng ta đang đề cập đã tự nhận tộc danh của họ là *Quý Châu*. Từ đó đến 1979 ý thức về tộc danh của họ không có gì thay đổi. Cho đến những năm gần đây, do các nguyên nhân khách quan, họ vẫn nhận tên tự gọi là Quý Châu, nhưng không nhận là một dân tộc riêng biệt nữa.

Ông Hồ Páng Khín, 56 tuổi, trưởng bản, người duy nhất (trong bản) biết đọc, biết viết chữ nôm và cộng đồng Quý Châu ở Bản Chang (Thượng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng) đều nhất trí như sau:

- Họ tự nhận: *Ngo shư Quýy Chấu Dân (wó shi quý zhòu rén)* - Tôi là người Quý Châu.

- Họ gọi người Nùng là *ThuZân (Thổ Nhân)*, người Tày là *Sàng Mào (người tóc dài)*, người Dao là *Tả Pan (Đại Bản)*, người Hmông là *Pờ Mèo*, người Lô Lô là *Lô Lô*, người Sán Chí là *Sán Chí hoặc Nàn Tền*, người Kinh (Việt) là *Chéo Zhú (Jiaozhì)*/ Giao Chỉ và người Hán là *Khản Zân (Hán Nhân)*, *KheZân ...*

Cần lưu ý rằng, trước chiến tranh biên giới 1979 họ vẫn nhận là một nhóm thuộc cộng đồng người có gốc Hoa. Sau năm 1979, vì các lý do chính trị, xã hội... họ chỉ tự nhận là người Quý Châu.

Hiện nay, 100% đều muốn được gọi là *Người Nùng Quý Châu*. Điều này được họ lý giải rằng: họ có văn hoá, lối sống... gần tương tự như người Nùng; hơn nữa ông cha họ nói lại rằng họ có nguồn gốc từ nhóm *Nùng ở Quý Châu*.

3. Nhận xét

Với các dữ liệu đã tiếp cận được, cho phép chúng ta có thể khẳng định, cộng đồng Quý Châu hiện đang sinh sống ở Việt Nam có nguồn gốc xa xưa thuộc ngành phía Đông, trong khối cư dân nói ngôn ngữ Choang - Đông (Tày – Thái), sinh sống ở khu vực đông - nam vùng Hoa Nam (Trung Quốc). Trước khi di cư sang Việt Nam cách đây vài ba trăm năm, rất có khả năng tổ tiên họ đã là thành viên trong khối dân cư Nùng ở vùng Quảng Tây (Trung Quốc).

Xưa cũng như nay, cộng đồng Quý Châu có tiếng nói thuộc ngôn ngữ *Pạc Và*. Loại ngôn ngữ này thực ra là một loại Hán ngữ địa phương, được đại đa số các cộng đồng cư dân ở vùng Lương Quảng (Trung Quốc) sử dụng như tiếng mẹ đẻ của họ.

Do sinh sống cận kề với các dân tộc Nùng, Tày, Dao... ở vùng núi biên giới Việt Nam qua nhiều đời, văn hoá của người Quý Châu đã chịu ảnh hưởng nhiều từ các dân tộc láng giềng. Hoạt động mưu sinh, văn hoá vật chất, cũng như văn hoá tâm linh của họ đã có nhiều nét tương đồng với các dân tộc trong khu vực, nhất là với người Nùng. Thực tế này cũng có thể còn bắt nguồn từ nguyên nhân sâu xa, đó là sự gắn gũi về nguồn

gốc giữa họ với cộng đồng người Nùng trong khu vực họ sinh sống.



Bàn thờ của gia đình ông Hù Pang Khín người Quý Châu ở bản Chang (Thượng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng)

Ảnh: Trần Bình.

Từ khi có mặt ở Việt Nam tới nay, cộng đồng Quý Châu tự ý thức rất sâu sắc về dân tộc của họ. Họ tự nhận mình là người Quý Châu, có gốc ở Trung Quốc. Tại kỳ điều tra dân số đầu tiên ở Miền Bắc (1/3/1960), họ được xếp thành một dân tộc riêng biệt, đó là dân tộc Quý Châu. Trong một ấn phẩm về các dân tộc ít người ở Việt Nam, do Viện Dân tộc học biên soạn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành vào năm 1978, cộng đồng này được đề cập như một dân tộc thiểu số riêng biệt, đó là dân tộc Pu Nà. Sở dĩ như vậy, vì các nhà nghiên cứu đều xác nhận người Pu Nà còn có tên tự gọi, hoặc được các cộng đồng khác gọi là người Quý Châu. Tuy vậy, trong các kỳ điều tra dân số 1979, 1989, 1999, người Quý Châu chỉ được xác nhận là một nhóm địa phương thuộc các dân tộc Giáy, Bó Y, Nung tuy theo từng địa phương ở Việt Nam.

Thực tiễn hiện nay cho thấy, cộng đồng Quý Châu có ý thức rất cao về thành phần dân tộc của

họ. Họ vẫn tự nhận là người Quý Châu, nhưng với tình hình chính trị, xã hội đã thay đổi rất nhiều hiện nay, họ không muốn nhắc đến nguồn gốc xa xưa nữa. Để thích hợp với điều kiện xã hội hiện tại, ở Cao Bằng họ tự nhận và mong muốn được xác định là *Người Nùng Quý Châu*, một nhóm địa phương thuộc cộng đồng dân tộc Nùng ở Việt Nam.

Chúng tôi cho rằng, xác định cộng đồng Quý Châu là một nhóm địa phương thuộc dân tộc Nùng – *nhóm Nùng Quý Châu*, là thỏa đáng. Điều đó không những phù hợp với nguồn gốc, lịch sử, văn hoá của cộng đồng này, mà còn thỏa mãn về ý thức tự giác tộc người và nguyện vọng rất thực tế của họ, cũng như bối cảnh xã hội, chính trị khu vực biên giới Việt – Trung hiện nay.

Từ thực tiễn của cộng đồng Quý Châu, thiết nghĩ cũng nên có những điều chỉnh cần thiết, thỏa đáng về thành phần dân tộc của các cộng đồng người có nguồn gốc ở bên kia biên giới, đã từng sinh sống lâu đời tại Việt Nam (Tu Dí, Pa Dí, Thù Lao, Ngạn, Ngái, Sán Chí, Bó Y, Giáy...). Điều đó không chỉ thích hợp với bối cảnh chính trị vùng biên giới phía Bắc, mà nó còn là động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc khu vực ở biên giới Việt – Trung hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diên. *Dân số và Dân số học tộc người ở Việt Nam*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1995.
2. Nguyễn Chí Huyền (và các tác giả). *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2000.
3. Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, TP. HCM, 2005.
4. Viện Dân tộc học. *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc ít người ở Miền Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1975.
5. Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía bắc)*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1978.